

Số: 267/QĐ-KCNDN

Đồng Nai, ngày 24 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy khai thác nước dưới đất và hệ thống cấp nước Tuy Hạ, công suất 23.000 m³/ngày.đêm” của Công ty TNHH MTV phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại KCN Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch V, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu Công nghiệp thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo văn bản số 556/KCNDN-MT ngày 12/5/2021 của Ban Quản lý các KCN về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án của Công ty TNHH MTV phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản giải trình số 341/CT-ĐT đề ngày 11/5/2021 và văn bản số 377/CT-ĐT đề ngày 03/6/2021 của Công ty TNHH MTV phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy khai thác nước dưới đất và hệ thống cấp nước Tuy Hạ, công suất 23.000 m³/ngày.đêm” (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty TNHH MTV phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại KCN Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch V, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và Luật tài nguyên nước.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường số 948/QĐ-TNMT ngày 31/12/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Cty TNHH MTV Phát triển Đô thị & KCN IDICO;
- Website BQL;
- Lưu VT, MT (NT).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Văn Danh

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Nhà máy khai thác nước dưới đất và hệ thống cấp nước Tuy Hạ, công suất
23.000 m³/ngày.đêm” của Công ty TNHH MTV phát triển Đô thị và Khu
công nghiệp IDICO tại KCN Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch V,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 267/QĐ-KCNĐN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của
Trưởng ban Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về phạm vi, quy mô của dự án:

1.1. Chủ dự án: Công ty TNHH MTV phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO.

1.2. Vị trí thực hiện dự án: KCN Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch V, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Diện tích: Diện tích đất thực hiện dự án là 20.605,46 m², trong đó:

- Cụm xử lý số 1: 1.887,85 m² thuộc KCN Nhơn Trạch I.
- Cụm xử lý số 2: 3.488,61 m² thuộc KCN Nhơn Trạch I.
- Cụm xử lý số 3: 15.229 m² thuộc KCN Nhơn Trạch V.
- Các cụm xử lý nước thải của dự án liên thông với nhau thông qua các tuyến ống cấp nước.

1.4. Quy mô, công suất của dự án:

Khai thác nước dưới đất và hệ thống xử lý, cấp nước cho KCN Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch V với tổng công suất khai thác 23.000 m³/ngày.đêm.

1.5. Công nghệ sản xuất của dự án:

Quy trình hoạt động của dự án như sau: Nước giếng khoan → Bơm nước thô → Tuyến ống chuyển tải nước thô → 03 Cụm xử lý nước 1, 2, 3 → Đường ống chuyển tải, phân phối nước sạch đến các doanh nghiệp KCN Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch V.

Quy trình xử lý nước tại các cụm xử lý giống nhau, như sau: Nước thô từ các giếng khoan → Bơm cấp 1 → Ejector oxy hóa cưỡng bức → Bể lọc thô → Bể lọc tinh → Bể chứa nước sạch → Bơm cấp 2 → Mạng lưới cấp nước KCN.

1.6. Các hạng mục công trình của dự án:

- Cụm xử lý số 1:
 - + Diện tích các công trình xây dựng: 1.328,56 m²;
 - + Diện tích cây xanh cụm xử lý số 1: 377,57 m², chiếm tỷ lệ 20 % diện tích đất (1.887,85 m²).
- Cụm xử lý số 2:
 - + Diện tích các công trình xây dựng: 1.378,75 m²;

+ Diện tích cây xanh cụm xử lý số 2: 1.565,2 m², chiếm tỷ lệ 44,87 % diện tích đất (3.488,61 m²).

- Cụm xử lý số 3:

+ Diện tích các công trình xây dựng: 9.453,34 m²;

+ Diện tích cây xanh cụm xử lý số 3: 3.119,59 m², chiếm tỷ lệ 20,48 % diện tích đất (15.229 m²).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Nước thải: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên; từ quá trình sản xuất của Công ty (nước vệ sinh các bể lọc).

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông, máy phát điện và mùi đặc trưng của hóa chất xử lý nước (NaOH, Clo).

- Chất thải rắn thông thường: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, từ quá trình sản xuất (bao nylon, giấy carton, giấy vụn, cặn vôi, bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp).

- Chất thải nguy hại: Phát sinh từ quá trình sản xuất (Bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì mềm thải; bao tay, giẻ lau, vải thấm nhiễm các thành phần nguy hại; hộp mực in thải).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án: Lưu lượng khoảng 36 m³/ngày.đêm. Trong đó:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt cụm xử lý số 1, cụm xử lý số 2, cụm xử lý số 3: Lưu lượng 2 m³/ngày.đêm. Thành phần: các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (BOD, COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P), vi khuẩn, dầu mỡ động thực vật

+ Nước thải sản xuất (từ quá trình vệ sinh bể lọc cụm xử lý số 1, cụm xử lý số 2, cụm xử lý số 3): Lưu lượng 34 m³/ngày.đêm. Thành phần: chủ yếu là cặn rắn lơ lửng không chứa thành phần nguy hại.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển hóa chất phục vụ xử lý nước giếng khoan.

- Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

- Mùi đặc trưng của hóa chất xử lý nước (Clo).

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng khoảng 22 kg/ngày. Thành phần: bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa...

- Chất thải rắn không nguy hại từ quá trình hoạt động sản xuất với khối lượng khoảng 1.357 kg/năm. Thành phần: bao nylon, giấy carton, giấy vụn, cặn vôi, bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng: Khoảng 503 kg/ năm.
- Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì mềm thải; bao tay, giẻ lau, vải thấm nhiễm các thành phần nguy hại; hộp mực in thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Xây dựng tách riêng tuyến thoát nước mưa, nước thải. Hệ thống thoát nước mưa cụm xử lý số 1 đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch I tại 01 vị trí hố ga trên đường số 04; Hệ thống thoát nước mưa cụm xử lý số 2 đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch I tại 01 vị trí hố ga trên đường số 06; Hệ thống thoát nước mưa cụm xử lý số 3 đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch V tại 01 vị trí hố ga trên đường D3b.

- Đối với nước thải cụm xử lý số 1: Nước thải từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay chân, khu vệ sinh cá nhân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (01 bể thể tích 5 m³); sau đó cùng với nước vệ sinh các bể lọc đầu nối với KCN tại 01 điểm trên đường số 10 của KCN Nhơn Trạch I.

- Đối với nước thải cụm xử lý số 2: Nước thải từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay chân, khu vệ sinh cá nhân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (01 bể thể tích 5 m³); sau đó cùng với nước vệ sinh các bể lọc đầu nối với KCN tại 01 điểm trên đường số 10 của KCN Nhơn Trạch I.

- Đối với nước thải cụm xử lý số 3: Nước thải từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay chân, khu vệ sinh cá nhân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (02 bể tổng thể tích 10 m³); sau đó cùng với nước vệ sinh các bể lọc đầu nối với KCN tại 01 điểm trên đường N2 của KCN Nhơn Trạch V (Chủ dự án ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty hạ tầng KCN Nhơn Trạch V).

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện tách riêng triệt để tuyến thu gom, thoát nước mưa và nước thải của Dự án.

+ Bố trí vị trí đầu nối nước thải ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát.

+ Đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch V theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của KCN, trước khi đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch V.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án không phát sinh khí thải cần xử lý.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

tại các khu vực có phát sinh, thu gom về khu vực chứa chất thải rắn thông thường tại mỗi cụm xử lý, diện tích 03 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại tại mỗi cụm xử lý có diện tích 03 m², có thùng chứa phân biệt riêng từng loại, dán nhãn, mã, biển cảnh báo, biện pháp thu gom chất thải lỏng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Chủ dự án thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án; thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường (tại khu chứa chất thải, ...) theo các biện pháp đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

Đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn có tổng diện tích: 18 m². Trong đó:

+ Diện tích khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường cụm xử lý số 1 có diện tích: 03 m²; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại cụm xử lý số 1 có diện tích: 03 m².

+ Diện tích khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường cụm xử lý số 2 có diện tích: 03 m²; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại cụm xử lý số 2 có diện tích: 03 m².

+ Diện tích khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường cụm xử lý số 3 có diện tích: 03 m²; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại cụm xử lý số 3 có diện tích: 03 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giám sát nước thải:

- Vị trí:

+ Nước thải tại hồ ga đầu nối nước thải cụm xử lý số 1 trước khi đầu nối vào KCN Nhơn Trạch I.

+ Nước thải tại hồ ga đầu nối nước thải cụm xử lý số 2 trước khi đầu nối vào KCN Nhơn Trạch I.

+ Nước thải tại hồ ga đầu nối nước thải cụm xử lý số 3 trước khi đầu nối vào KCN Nhơn Trạch V.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng N, Tổng P, Fe, Amoni, Tổng dầu mỡ khoáng, Clo dư.

- Quy chuẩn so sánh: Giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch V theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN đã được phê duyệt.

5.2. Giám sát môi trường lao động:

Thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định liên quan.

5.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH: Giám sát khối lượng chất thải phát sinh, phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để bảo quản theo quy định.

5.4. Giám sát hiện tượng sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; Giám sát sự thay đổi mực nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn:

Thực hiện quan trắc, giám sát mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước trong quá trình khai thác tại các giếng khai thác theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện liên quan đến môi trường:

6.1. Trong giai đoạn vận hành dự án:

- Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự

án và các quy định pháp luật hiện hành.

- Bảo đảm nguồn lực; trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Đảm bảo diện tích cây xanh đạt tỷ lệ tối thiểu 20% theo quy định.

- Thực hiện đúng các quy định, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật.

- Chỉ được hoạt động khi có Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất do cơ quan có thẩm quyền cấp và tuân thủ đúng theo nội dung Giấy phép được cấp.

6.2. Trách nhiệm của chủ dự án:

- Thực hiện nghiêm cam kết theo nội dung văn bản số 377/CT-ĐT đề ngày 03/6/2021 của Công ty đối với việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 7, 8, 9 và 10, Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ (quy định về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt) và khoản 6, Điều 4 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (quy định đối với Dự án đã đi vào vận hành có những thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt).

- Khi chất lượng nước ngầm thay đổi, Công ty cần cải tiến công nghệ xử lý nước cấp và thực hiện thủ tục môi trường theo quy định.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.